

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ XNK HÀ TRANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ XNK HÀ TRANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XNK HA TRANG AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: XNK HA TRANG

2. Mã số doanh nghiệp: 0108885446

3. Ngày thành lập: 04/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 68 Ngõ 10 Nguyễn Thị Định, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2.	Khai thác và thu gom than non	0520
3.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
5.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
6.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
7.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
8.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
9.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
10.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
11.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
12.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

13.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: - Sản xuất nhôm từ alumin; - Sản xuất nhôm từ tinh chế điện phân chất thải nhôm và kim loại vụn; - Sản xuất hợp kim nhôm; - Sơ chế nhôm; - Sản xuất dây của những kim loại trên bằng cách kéo; - Sản xuất ôxit nhôm (Alumina); - Sản xuất kim loại bọc nhôm; - Sản xuất lá dát nhôm (thiếc) được làm từ lá nhôm (thiếc) là vật liệu chính;	2420
14.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
15.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
16.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
17.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
18.	Phá dỡ	4311
19.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
22.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
23.	Bán buôn thực phẩm	4632
24.	Bán buôn đồ uống	4633
25.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649

27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
28.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
30.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669(Chính)
31.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
32.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
33.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
34.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
35.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
36.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

37.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác	4932
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	4933
39.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
40.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
41.	Cho thuê xe có động cơ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7710
42.	Vệ sinh chung nhà cửa Chi tiết: Các hoạt động vệ sinh nói chung (không chuyên dụng) cho tất cả các loại công trình, như: + Văn phòng, + Căn hộ hoặc nhà riêng, + Nhà máy, + Cửa hàng, + Các cơ quan và các công trình nhà ở đa mục đích và kinh doanh khác,	8121
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
44.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
45.	Xây dựng nhà để ở	4101
46.	Xây dựng nhà không để ở	4102
47.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
48.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
49.	Xây dựng công trình điện	4221
50.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
51.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
52.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
53.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
54.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
55.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719

56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;	4759
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI THU HÀ	Đội 1, Thôn Quyết Tiến, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.400	6.400.000.000	80,000	017184000763	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.400	6.400.000.000	80,000		

2	LÊ THỊ NGÀ	Xóm Hồng, Xã Bảo Hiệu, Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800	800.000.000	10,000	113713667
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	800	800.000.000	10,000	
3	BÙI ÁNH DƯƠNG	Xóm Hồng, Xã Bảo Hiệu, Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800	800.000.000	10,000	113368016
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	800	800.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 14/02/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 017184000763

Ngày cấp: 25/06/2019

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 1, Thôn Quyết Tiến, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Đội 1, Thôn Quyết Tiến, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội